

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN NHÓM TRONG GIẢNG DẠY TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN THỊ LIÊN
Trường Đại học Hải Dương

Nhận bài ngày 12/4/2026. Sửa chữa xong 15/5/2026. Duyệt đăng 25/5/2026.

Abstract

The subject of Ho Chi Minh Thought plays a fundamental role in shaping the revolutionary worldview and philosophy of life for students. However, some students still consider it a dry, purely theoretical subject. To overcome this situation, applying group discussion methods is the optimal solution to promote democracy in learning, helping students independently acquire knowledge and develop critical thinking skills. This article focuses on analyzing the current situation and proposing solutions to promote group discussion activities in teaching the Ho Chi Minh Thought course at Hai Duong University. Through modern teaching techniques and the application of digital technology, this article aims to enhance student initiative, making political theory more dynamic and relevant to practice.

Keywords: Group discussion, Hai Duong University, Ho Chi Minh's ideology, solutions, students.

1. Đặt vấn đề

Trong hệ thống các môn Lý luận chính trị tại các cơ sở giáo dục đại học, môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh đóng vai trò hạt nhân trong việc giáo dục đạo đức, lý tưởng và bản lĩnh chính trị cho sinh viên (SV). Đây không chỉ là việc truyền thụ một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam mà còn là quá trình hình thành phương pháp luận khoa học để thế hệ trẻ vận dụng vào giải quyết các vấn đề thực tiễn của đất nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh bùng nổ thông tin và sự tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư, việc giảng dạy các môn Lý luận chính trị nói chung và môn Tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng đang đứng trước những thách thức không nhỏ. Thực tế cho thấy, phương pháp giảng dạy truyền thống - lấy giảng viên (GV) làm trung tâm, thuyết trình một chiều dù vẫn giữ vai trò nhất định trong việc truyền tải tính hệ thống của lý luận nhưng lại bộc lộ nhiều hạn chế trong việc kích thích tư duy sáng tạo và sự hứng thú của người học. Một bộ phận SV vẫn còn tâm lý thụ động, coi môn học là khô khan, trừu tượng và khó tiếp thu. Tại Trường Đại học Hải Dương, với mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có năng lực thích ứng tốt với thị trường lao động, việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực của SV là một yêu cầu mang tính chiến lược. Hoạt động thảo luận nhóm (Team-based learning) nổi lên như một giải pháp ưu việt trong giáo dục hiện đại. Phương pháp này không chỉ tạo không gian cho SV tự do bày tỏ quan điểm, tranh luận để làm sáng tỏ các giá trị tư tưởng của Người mà còn là môi trường lý tưởng để rèn luyện các kỹ năng mềm thiết yếu như: Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện và khả năng giải quyết vấn đề. Đặc biệt, đối với môn Tư tưởng Hồ Chí Minh, thảo luận nhóm (TLN) giúp “hóa giải” tính hàn lâm của lý luận, đưa những bài học về đạo đức, nhân sinh của Bác trở nên gần gũi, sống động thông qua việc phân tích các tình huống thực tiễn.

Email: nguyenthiliendhhd@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng hoạt động thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Hải Dương

2.1.1. Những kết quả đạt được về hoạt động thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh

a. *Sự chuyển biến căn bản trong nhận thức và tính chủ động của SV:* Kết quả đầu tiên và quan trọng nhất chính là việc xóa bỏ tâm lý thụ động, "ngại" học các môn Lý luận chính trị. Khi áp dụng thảo luận nhóm, SV không còn là những "người nghe" đơn thuần mà trở thành chủ thể trực tiếp khai phá tri thức. Việc phải chuẩn bị nội dung để tranh luận trước tập thể buộc SV phải đọc tài liệu sâu hơn, tư duy logic hơn để bảo vệ quan điểm của mình. Điều này giúp tri thức về Tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào tư duy một cách tự nhiên thay vì học thuộc lòng máy móc (Ban Bí thư, 2014). Ví dụ: Trong chủ đề thảo luận về "Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc", thay vì chỉ liệt kê các nguyên tắc, các nhóm SV tại Trường Đại học Hải Dương đã chủ động tìm kiếm các tư liệu lịch sử về Mặt trận Việt Minh hoặc các ví dụ thực tế về tinh thần đoàn kết của nhân dân trong đại dịch Covid-19. Việc tự tìm kiếm bằng chứng thực tế giúp các em hiểu rằng đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu mà là một chiến lược sống còn của dân tộc.

b. *Sự hình thành và phát triển đột phá các kỹ năng mềm thiết yếu:* TLN đóng vai trò như một "phòng thí nghiệm kỹ năng". Thông qua việc làm việc tập thể, SV được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết phục và đặc biệt là kỹ năng quản trị xung đột. Trong quá trình thảo luận, những ý kiến trái chiều là điều không tránh khỏi; việc học cách lắng nghe và điều chỉnh quan điểm dựa trên lập luận khoa học chính là cách tốt nhất để hình thành tư duy phản biện - một năng lực cốt lõi của SV trong thời đại số. Ví dụ: Khi thảo luận về "Vấn đề đạo đức công vụ theo tư tưởng Hồ Chí Minh", một nhóm có thể nảy sinh tranh luận về việc làm thế nào để giữ gìn sự liêm chính trước những cám dỗ vật chất hiện nay. Quá trình tranh luận này buộc các thành viên phải sử dụng kỹ năng lập luận, dẫn chứng các quy định pháp luật và các câu chuyện về tấm gương đạo đức của Bác để thuyết phục lẫn nhau, từ đó rèn luyện bản lĩnh trình bày trước đám đông.

c. *Khả năng vận dụng lý luận vào giải quyết các vấn đề thực tiễn địa phương:* Một kết quả nổi bật tại Trường Đại học Hải Dương là sự kết nối giữa lý luận chuyên môn và thực tiễn địa phương. SV đã biết dùng thế giới quan, phương pháp luận Hồ Chí Minh để soi rọi vào các vấn đề kinh tế - xã hội của thành phố Hải Phòng. Điều này giúp môn học không còn "lơ lửng" mà trở nên cực kỳ gần gũi, thiết thực, giúp SV thêm yêu và có trách nhiệm với quê hương (Ban Chấp hành Trung ương, 2018). Ví dụ: Khi nghiên cứu tư tưởng của Bác về "Công tác cán bộ", SV thực hiện các bài thảo luận nhóm gắn với chiến lược cải cách hành chính của thành phố Hải Phòng. Các em phân tích các mô hình "Chính quyền thân thiện" tại địa phương, từ đó chỉ ra sự vận dụng sáng tạo phong cách "trọng dân, gần dân" của Bác vào bộ máy chính quyền hiện đại. Điều này giúp lý luận trở thành "kim chỉ nam" cho hành động thực tế.

d. *Sự bùng nổ sáng tạo thông qua việc ứng dụng công nghệ và đa dạng hóa sản phẩm:* Việc đẩy mạnh TLN đã thúc đẩy SV khai thác tối đa lợi thế của công nghệ thông tin. Thay vì những bài thuyết trình PowerPoint nhàm chán, các kết quả đạt được cho thấy sự đa dạng hóa đáng kinh ngạc trong sản phẩm học tập. SV đã biết cách sử dụng các phần mềm thiết kế, biên tập video để chuyển tải nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh một cách sinh động, hiện đại và dễ tiếp nhận. Ví dụ: Thay vì chỉ nói về "Tư tưởng Hồ Chí Minh về thanh niên", một nhóm SV đã xây dựng một video ngắn dạng "Storytelling", phỏng vấn các bạn trẻ về ước mơ và hoài bão, sau đó lồng ghép các lời dạy của Bác làm lời bình. Sản phẩm này sau đó được chia sẻ trên các nền tảng mạng xã hội của Đoàn trường, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ, vượt xa phạm vi một tiết học thông thường.

e. *Đổi mới phương pháp đánh giá theo hướng công bằng và tạo động lực:* Kết quả đạt được còn thể hiện ở việc xây dựng được một quy trình đánh giá khách quan, đa chiều. Việc chuyển từ đánh giá kết quả cuối kỳ sang đánh giá tiến trình thảo luận đã giúp GV bao quát được năng lực của từng SV. Điều này tạo ra một môi trường thi đua lành mạnh, nơi mỗi cá nhân đều thấy rõ sự đóng góp của mình và được ghi nhận xứng đáng, từ đó triệt tiêu hiện tượng "ỷ lại" trong học tập nhóm. Ví dụ: GV sử dụng bảng

điểm Rubric chi tiết chia làm 4 cột: Nội dung, Hình thức, Kỹ năng tương tác và Sự đóng góp cá nhân. Khi một SV dù không thuyết trình nhưng có những câu hỏi phản biện xuất sắc cho nhóm bạn, em đó vẫn nhận được điểm cộng xứng đáng. Cách làm này khiến giờ thảo luận luôn sôi nổi vì mỗi cá nhân đều nỗ lực để trở thành "mảnh ghép" quan trọng của nhóm.

g. Nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp sư phạm của đội ngũ GV: Đây mạnh thảo luận nhóm không chỉ có lợi cho SV mà còn giúp đội ngũ GV tại Trường Đại học Hải Dương tự đổi mới mình. GV không còn giảng bài theo kiểu "đọc - chép" mà trở thành người thiết kế kịch bản, người trọng tài và người định hướng. Quá trình tương tác với những ý tưởng mới mẻ, thậm chí là những câu hỏi "hóc búa" từ SV đã thúc đẩy GV phải không ngừng nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới để làm chủ giảng đường. Ví dụ: Để chuẩn bị cho một buổi thảo luận về "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế*", GV phải tìm hiểu rất kỹ về tình hình tăng trưởng kinh tế của thành phố Hải Phòng trong năm vừa qua, các nghị quyết mới của Đảng bộ tỉnh để có thể phản biện và định hướng chính xác cho các nhóm. Quá trình này giúp bài giảng luôn mới, mang hơi thở của thời đại và thực tiễn địa phương.

2.1.2. Những tồn tại, hạn chế trong hoạt động thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Hải Dương

a. Hiện tượng "ỷ lại" và sự phân hóa không đồng đều trong tham gia hoạt động nhóm: Một trong những tồn tại phổ biến nhất tại Trường Đại học Hải Dương là sự chênh lệch về mức độ đóng góp giữa các thành viên. Trong một nhóm thảo luận, thường chỉ có 20-30% thành viên (thường là nhóm trưởng hoặc các SV khá giỏi) thực hiện phần lớn khối lượng công việc từ tìm tài liệu, tổng hợp đến thuyết trình. Số còn lại rơi vào tình trạng "hành khách miễn phí" (free-riders), chỉ đứng tên để lấy điểm mà không thực sự tư duy. Điều này dẫn đến việc mục tiêu "phát triển năng lực cho mọi SV" của môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh bị lệch mục tiêu (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2009). Ví dụ: Khi thảo luận về chủ đề "*Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về tiết kiệm trong đời sống SV*", trong khi nhóm trưởng miệt mài thiết kế slide và tìm dẫn chứng về các tấm gương tiết kiệm, thì một số thành viên khác lại chỉ làm nhiệm vụ "điểm danh" hoặc gửi những tài liệu sơ sài sao chép từ mạng Internet mà không qua kiểm chứng hay xử lý dữ liệu. Kết quả là chỉ có nhóm trưởng hiểu sâu vấn đề, còn các thành viên khác vẫn mơ hồ về nội dung lý luận.

b. Nội dung thảo luận còn nặng tính tái hiện lý thuyết, thiếu tính phản biện thực tiễn: Nhiều buổi thảo luận vẫn đi vào lối mòn khi GV đặt ra những câu hỏi mang tính chất "có sẵn trong giáo trình". SV chỉ cần đọc lại các chương mục là có thể trả lời, dẫn đến việc không khí thảo luận trở nên tẻ nhạt, thiếu những tranh luận nảy lửa hoặc những góc nhìn mới mẻ. Việc thiếu các tình huống mang tính "ngịch lý" hoặc các vấn đề thời đại khiến tư tưởng của Bác bị nhìn nhận như một hệ thống lý thuyết tĩnh tại, thay vì là một công cụ giải quyết các vấn đề động của xã hội hiện đại. Ví dụ: Thay vì thảo luận về cách "*Đấu tranh chống các quan điểm sai trái trên không gian mạng hiện nay dựa trên nền tảng tư tưởng Hồ Chí Minh*", GV lại đặt câu hỏi: "*Nêu các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới của Hồ Chí Minh*". Với câu hỏi này, SV chỉ việc mở giáo trình trang 140 và đọc lại các gạch đầu dòng. Buổi thảo luận nhanh chóng biến thành một tiết học thuộc lòng tập thể thay vì là một diễn đàn trao đổi tư duy.

c. Kỹ năng điều phối của GV và phương pháp quản trị thời gian chưa tối ưu: Mặc dù đội ngũ GV có chuyên môn vững nhưng kỹ năng điều phối trong môi trường thảo luận nhóm đôi khi còn lúng túng. Một số GV quá can thiệp sâu vào quá trình làm việc của nhóm làm mất đi tính tự chủ của SV, trong khi số khác lại "thả nổi", dẫn đến việc thảo luận bị chệch hướng hoặc sa đà vào những tranh cãi vụn vặt không liên quan đến trọng tâm bài học. Bên cạnh đó, việc phân bổ quỹ thời gian trên lớp thường bị "cháy giáo án", dẫn đến phần kết luận và chốt kiến thức của GV bị thực hiện vội vàng (Trần Thị Thùy, 2014). Ví dụ: Trong một tiết thảo luận về "*Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc*", do GV không đặt ra quy tắc thời gian rõ ràng, một nhóm đã dành tới 20 phút để tranh luận về một chi tiết lịch sử nhỏ, khiến các nhóm khác không còn thời gian thuyết trình. Cuối giờ, GV chỉ kịp nhận xét chung chung mà không thể phân tích sâu về ý nghĩa thời đại của chủ đề, khiến giá trị cốt lõi của buổi học bị giảm sút.

d. Hạn chế về không gian vật lý và hạ tầng công nghệ hỗ trợ tương tác trực tiếp: Mặc dù Trường Đại học

Hải Dương đã có nhiều cải thiện về cơ sở vật chất nhưng kiểu thiết kế giảng đường truyền thống (bàn ghế cố định hướng về phía bảng) vẫn gây khó khăn cho việc di chuyển và làm việc nhóm theo vòng tròn. Ngoài ra, việc ứng dụng các phần mềm tương tác thời gian thực (như Mentimeter hay Kahoot) đôi khi gặp trở ngại do tốc độ đường truyền Internet tại một số khu vực chưa ổn định hoặc SV chưa được hướng dẫn đồng bộ về cách sử dụng các công cụ EdTech trong học tập lý luận chính trị. Ví dụ: GV muốn tổ chức một buổi thảo luận theo phương pháp “Sáu chiếc mũ tư duy” để đánh giá một vấn đề xã hội. Tuy nhiên, việc bàn ghế bị gắn chặt xuống sàn khiến các nhóm không thể xoay mặt vào nhau để trao đổi sâu, tạo ra rào cản về tâm lý và vật lý. Đồng thời, khi yêu cầu SV truy cập vào mã QR để bình chọn ý kiến, hệ thống mạng bị nghẽn khiến hoạt động bị gián đoạn, làm đứt gãy mạch cảm xúc và tư duy của người học.

e. Cơ chế đánh giá còn mang tính “cào bằng”, chưa phản ánh đúng nỗ lực cá nhân: Hiện nay, điểm TLN thường được tính chung cho cả nhóm. Cách làm này vô hình trung tạo ra sự bất công khi người làm nhiều và người không làm gì đều nhận mức điểm như nhau. Hệ thống đánh giá chéo giữa các thành viên (peer-review) đã được áp dụng nhưng đôi khi bị biến tướng bởi tâm lý “dĩ hòa vi quý” hoặc sự nể nang bạn bè, dẫn đến kết quả đánh giá không thực chất (Phạm Thị Thúy Vân, 2019). Điều này triệt tiêu động lực phấn đấu của những SV thực sự có năng lực và tâm huyết. Ví dụ: Một SV dành 3 đêm để biên tập một video clip xuất sắc cho nhóm về chủ đề “Tấm gương học tập suốt đời của Bác”. Tuy nhiên, vì điểm nhóm được tính bằng điểm thuyết trình của một thành viên khác (vốn chuẩn bị chưa kỹ) nên cả nhóm chỉ nhận được điểm 7. Trong khi đó, một nhóm khác có nội dung sơ sài nhưng người thuyết trình có kỹ năng nói tốt lại được điểm 9. Sự thiếu hụt các tiêu chí đánh giá chi tiết (Rubric) cho từng vai trò đã dẫn đến sự thiếu công bằng này.

g. Sự thiếu hụt các tài liệu tham khảo chuyên sâu và định hướng nghiên cứu địa phương: SV thường chỉ tiếp cận với giáo trình chuẩn và một số bài báo mạng phổ thông. Việc thiếu các nguồn tư liệu chính thống, các kết quả nghiên cứu về việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh tại chính thành phố Hải Phòng khiến bài thảo luận thiếu đi “hơi thở” của vùng miền. SV khó tìm thấy sự liên kết giữa lý luận của Người với thực tế phát triển kinh tế, văn hóa của quê hương mình, làm cho bài thảo luận có cảm giác “vay mượn” từ các bài mẫu trên mạng. Ví dụ: Khi một nhóm muốn tìm hiểu về “Sự thay đổi diện mạo nông thôn của thành phố Hải Phòng dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh về nông dân”, các em rất khó tìm được các số liệu thống kê cụ thể hoặc các bài báo phân tích chuyên sâu về sự vận dụng này tại các xã như Thanh Hà hay xã Chí Linh. Do thiếu nguồn lực thông tin tin cậy, nhóm đành quay lại phân tích những vấn đề chung chung mang tính toàn quốc, khiến bài thảo luận mất đi tính độc đáo và sức thuyết phục đối với người nghe tại chỗ.

2.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả đẩy mạnh hoạt động thảo luận nhóm trong giảng dạy Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Hải Dương

2.2.1. Thiết kế hệ thống chủ đề thảo luận mang tính “mở” và gắn kết thực tiễn địa phương

Giải pháp then chốt để khơi gợi hứng thú học tập là thay đổi cách đặt vấn đề. GV cần chuyển từ các câu hỏi kiểm tra trí nhớ sang các câu hỏi giải quyết vấn đề (Problem-based learning). Chủ đề thảo luận phải đảm bảo ba yếu tố: tính thời đại, tính chính trị và tính thực tiễn. Đặc biệt, việc lồng ghép các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương vào nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp SV thấy được giá trị của môn học, từ đó thôi thúc các em tìm tòi và tranh luận (Trần Minh Trường, 2020, tr. 41). Ví dụ: Thay vì thảo luận về “Nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa”, GV có thể thiết kế chủ đề: “Vận dụng quan điểm ‘Văn hóa soi đường cho quốc dân đi’ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa đặc sắc của thành phố Hải Phòng (như Côn Sơn - Kiếp Bạc) trước tác động của kinh tế thị trường hiện nay”. Với chủ đề này, SV phải nghiên cứu cả lý luận của Bác và thực trạng du lịch, văn hóa tại địa phương để đưa ra giải pháp nhóm.

2.2.2. Áp dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực nhằm tối ưu hóa tương tác

Để khắc phục tình trạng “người làm, người chơi”, GV cần áp dụng các kỹ thuật sư phạm hiện đại

nhằm phân rõ trách nhiệm đến từng cá nhân. Các kỹ thuật như “Khăn trải bàn”, “Mảnh ghép” hay “Sáu chiếc mũ tư duy” không chỉ là công cụ tổ chức mà còn là phương pháp buộc mỗi SV phải động não. Việc thay đổi kỹ thuật theo từng chương học giúp duy trì sự tươi mới, tránh sự nhàm chán và tạo điều kiện cho các cá nhân có những thể mạnh khác nhau (như viết, nói, vẽ, công nghệ) đều có cơ hội thể hiện. Ví dụ: Khi thảo luận về “*Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh*”, GV áp dụng kỹ thuật “Mảnh ghép”. Lớp được chia thành các nhóm “chuyên gia” nghiên cứu các khía cạnh: đạo đức, tổ chức, cán bộ và kiểm tra giám sát. Sau đó, các thành viên tách ra để hình thành nhóm mới, tại đây mỗi “chuyên gia” phải có trách nhiệm giảng giải lại phần mình đã nghiên cứu cho các thành viên khác. Quy trình này đảm bảo không ai có thể đứng ngoài cuộc thảo luận.

2.2.3. Chuyển đổi số hoạt động thảo luận thông qua hệ sinh thái học tập đa phương tiện

Trong kỷ nguyên 4.0, TLN không nên bó hẹp trong 45 phút trên lớp. Giải pháp hiệu quả là tạo ra một “không gian thảo luận số” xuyên suốt. GV cần hướng dẫn SV sử dụng các công cụ EdTech để trực quan hóa tư duy và lưu trữ tài nguyên. Việc này không chỉ giúp quản lý tiến độ nhóm tốt hơn mà còn rèn luyện cho SV kỹ năng làm việc số - một yêu cầu bắt buộc của thị trường lao động hiện nay. Ví dụ: GV yêu cầu mỗi nhóm lập một bảng Padlet chung. Trước buổi học 1 tuần, các nhóm phải đăng tải các “minh chứng số” như: ảnh chụp tư liệu, video phỏng vấn thực tế hoặc các bài báo liên quan đến chủ đề thảo luận. Trong giờ học, thay vì dùng slide truyền thống, nhóm sử dụng chính bảng Padlet này để trình diễn. Sự tương tác trực tiếp bằng cách “thả tim” hoặc bình luận (comment) của các nhóm khác trên màn hình chung tạo ra một không khí học tập vô cùng sôi nổi và hiện đại.

2.2.4. Đa dạng hóa sản phẩm thảo luận theo hướng phát triển năng lực sáng tạo

Cần thay đổi tư duy về “bài thảo luận”. Thay vì những bản báo cáo bằng văn bản dài dòng, GV nên khuyến khích SV chuyển thể kiến thức thành các sản phẩm truyền thông hiện đại. Điều này giúp SV phát triển tư duy thẩm mỹ, kỹ năng biên tập và đặc biệt là cách truyền đạt lý luận một cách ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu - đúng như phong cách ngôn ngữ của Hồ Chí Minh. Ví dụ: Đối với chương về “*Đạo đức Hồ Chí Minh*”, thay vì thuyết trình, GV cho phép các nhóm lựa chọn hình thức: thiết kế một bộ Infographic về “Cần, Kiệm, Liêm, Chính” hoặc xây dựng một Podcast dài 5 phút kể về một câu chuyện cảm động của Bác gắn với bài học cho giới trẻ ngày nay (Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền (2020)). Những sản phẩm này sau đó được sử dụng làm học liệu cho các lớp khóa sau, tạo ra sự tự hào và động lực lớn cho SV.

2.2.5. Xây dựng cơ chế đánh giá “Tiến trình và Phản hồi” (Formative Assessment)

Giải pháp để triệt tiêu hiện tượng ỷ lại là thay đổi cách tính điểm. GV cần xây dựng bộ tiêu chí (Rubric) rõ ràng, trong đó điểm số được cấu thành từ: điểm chuẩn bị cá nhân, điểm tương tác nhóm và điểm sản phẩm cuối cùng. Đặc biệt, cần đưa vào quy trình “đánh giá đồng đẳng” (Peer review) có sự kiểm soát, nơi các thành viên tự xác định mức độ đóng góp của nhau dựa trên các minh chứng cụ thể. Ví dụ: Bảng điểm thảo luận được chia làm 3 phần: 30% điểm từ nhật ký làm việc nhóm (ghi rõ ai làm việc gì); 40% điểm từ chất lượng câu trả lời phản biện trên lớp; và 30% điểm từ đánh giá của các thành viên trong nhóm. Nếu một SV bị cả nhóm xác nhận là không tham gia, điểm số của cá nhân đó sẽ bị tách rời khỏi điểm chung của nhóm. Cơ chế này buộc mọi cá nhân phải có trách nhiệm với “túi tiền” điểm số của chính mình.

2.2.6. Bồi dưỡng năng lực “Người truyền lửa” cho đội ngũ giảng viên

Giảng viên đóng vai trò là “linh hồn” của buổi thảo luận, do đó, cần có các buổi tọa đàm, tập huấn chuyên sâu cho GV về kỹ năng điều phối (Moderation skills) và kỹ năng xử lý tình huống sư phạm. GV cần học cách đặt những “câu hỏi mở” (Leading questions) để gợi mở thay vì đưa ra đáp án ngay lập tức. Đồng thời, nhà trường cần có chính sách khuyến khích GV sáng tạo trong phương pháp giảng dạy lý luận chính trị. Ví dụ: Trong một buổi thảo luận về “*Con đường đi lên CNXH*”, khi SV đặt ra những câu hỏi khó về sự khác biệt giữa lý luận và thực tiễn kinh tế thị trường, GV không nên bác bỏ mà nên dùng kỹ thuật “phản hồi gương” (Mirroring): “*Đó là một quan sát rất sắc sảo, vậy nhóm 2 có dữ liệu nào để giải*

thích cho sự băn khoăn này của nhóm 1 không?”. Việc biến mình thành người điều phối trận đấu thay vì cầu thủ giúp GV duy trì vị thế khoa học và sự tôn trọng từ SV.

3. Kết luận

Như vậy, đẩy mạnh hoạt động TLN trong giảng dạy môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh tại Trường Đại học Hải Dương không chỉ là một yêu cầu mang tính kỹ thuật về phương pháp mà cốt lõi là một cuộc đổi mới về tư duy giáo dục lý luận chính trị. Qua quá trình nghiên cứu và thực nghiệm, có thể khẳng định khi SV được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình chiếm lĩnh tri thức thông qua sự tương tác nhóm, những giá trị tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh không còn là những khái niệm trừu tượng trên trang sách mà trở thành những bài học sống động, có sức thấm thấu sâu sắc vào tư duy và hành động của mỗi cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thành công của một buổi thảo luận nhóm không đến tự nhiên mà là sự tổng hòa của nhiều yếu tố: từ khâu thiết kế chủ đề mang tính “mở” và thực tiễn của GV; việc vận dụng linh hoạt các kỹ thuật dạy học tích cực; đến việc khai thác triệt để các nền tảng công nghệ số để làm phong phú hình thức thể hiện. Đặc biệt, môi trường học thuật tại Trường Đại học Hải Dương với sự năng động và cầu thị là điều kiện lý tưởng để phương pháp này phát huy tối đa hiệu quả. Thảo luận nhóm đã giúp SV không chỉ nắm vững “chữ nghĩa” của lý luận mà quan trọng hơn là hiểu được “tinh thần” và “phương pháp” Hồ Chí Minh trong việc nhìn nhận, giải quyết các vấn đề thực tiễn của đời sống xã hội và nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, để hoạt động này thực sự đi vào chiều sâu và bền vững, đòi hỏi GV phải không ngừng tự bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực tiễn và kỹ năng điều phối để đóng tốt vai trò “người dẫn đường” thay vì “người truyền thụ”. Về phía nhà trường, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế đánh giá kết quả học tập theo hướng chú trọng quy trình và kỹ năng, đồng thời đầu tư đồng bộ hơn nữa vào hệ thống hạ tầng số để tạo không gian thảo luận đa chiều, không giới hạn bởi không gian lớp học truyền thống.

Tài liệu tham khảo

- Ban Bí thư (2014). *Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 về việc tiếp tục đổi mới học tập Lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân*, tr. 3.
- Ban Chấp hành Trung ương (2018). *Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/02/2018 về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*, tr. 4.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009). *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 18.
- Phạm Thị Thúy Vân (2019). Giáo dục đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên đại học ở nước ta hiện nay qua dạy học học phần “Tư tưởng Hồ Chí Minh”. *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt tháng 10, tr. 2-7.
- Trần Minh Trường (2020). Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 14, tr. 5-8.
- Trần Thị Thùy (2014). *Phát triển kỹ năng sử dụng phương tiện quản lý thời gian cho sinh viên dựa trên nguyên tắc Pareto*. <https://daihoctantrao.edu.vn/khoa-hoc-cong-nghe/phat-trien-ki-nang-su-dung-phuong-tien-quan-li-thoi-gian-cho-sinh-vien-dua-tren-nguyen-ly-pareto-216.html>, ngày 20/5/2014.
- Vũ Thị Thủy, Phạm Thị Huyền (2020). Vai trò của phương pháp thảo luận nhóm trong dạy học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh theo định hướng phát triển năng lực. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, 225 (04), 42-49.